TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 972/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 10 - 2019
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tiến Bình

2. Bà Trần Hoàng Ngọc Hà

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trịnh Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Lê Hà – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc " Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Hồng G, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: 35 tổ 1, cụm 5, đường Nguyễn Văn C, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Phạm Thanh P, Sinh năm 1974 (vắng mặt lần thứ 2).

Địa chỉ: 416/2 A, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 23/10/2018 và bản tự khai ngày 21/01/2019 của nguyên đơn – bà Bùi Thị Hồng G trình bày: Bà và ông P tự nguyện kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01.P09, Quyển số 01/2009, do Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2009. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, ông P có tính gia trưởng, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên đi ăn nhậu nhiều ngày mới về. Bà đã nhiều lần níu kéo nhưng không được. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Gia Tấn H, sinh ngày 02/10/2008 và Phạm Gia Tấn T, sinh ngày 23/6/2010, khi ly hôn bà sẽ giao 02 con chung cho

ông P trực tiếp nuôi dưỡng, do bà muốn các con ổn định, không muốn làm xáo trộn cuộc sống của các con. Bà sẽ cấp dưỡng nuôi con, mỗi trẻ 500.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tự khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, nhưng ông P không đến để tự khai, hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn – bà Bùi Thị Hồng G trình bày: Bà vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông P vì mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, không có cơ hội để đoàn tụ.

Quá trình chung sống bà và ông P có 02 con chung tên Phạm Gia Tấn H, sinh ngày 02/10/2008 và Phạm Gia Tấn T, sinh ngày 23/6/2010. Hiện nay 02 trẻ do ông P và ông bà nội đang nuôi dưỡng, nên khi ly hôn bà sẽ giao 02 con cho ông P, để các con được ổn định, không làm xáo trộn cuộc sống của các con. Hàng tháng bà sẽ cấp dưỡng nuôi con, mỗi trẻ 500.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn – ông P vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã làm đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là không thể hàn gắn, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Hồng G đối với ông Phạm Thanh P. Giao trẻ Phạm Gia Tấn H và trẻ Phạm Gia Tấn T cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, Bà G cấp dưỡng nuôi con, mỗi trẻ 500.000/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về Thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện ngày 23/10/2018 của bà Bùi Thị Hồng G; Bản sao sổ hộ khẩu do bà G cung cấp và xác nhận của Công an Phường 10, quận Tân Bình thể hiện ông Phạm Thanh P thực tế cư trú tại địa chỉ: 416/2 A Cơ, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tiến hành tống đạt cho ông P thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập tham gia phiên Tòa lần thứ nhất ngày 10/9/2019, lần thứ 2 ngày 02/10/2019, nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân:

Căn cứ vào bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 01.P09, Quyển số 01/2009, do Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2009 thì quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông P là hợp pháp. Nay bà G yêu cầu ly hôn vì quá trình chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, bà G đã cố gắng hàn gắn nhưng không được.

Từ khi thụ lý đến khi xét xử, ông P không đến Tòa án để tự khai, hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc bà Gấm xin ly hôn, chứng tỏ ông P không quan tâm đến hạnh phúc gia đình và cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên Tòa án chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của bà G là được ly hôn với ơng P để ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung:

Theo lời trình bày của bà G và bản sao giấy khai sinh của các con do bà G cung cấp cho Tòa án thì quá trình chung sống bà G và ông P có 02 con chung tên Phạm Gia Tấn H và Phạm gia Tấn T, hiện đang ở với ông P. Nay bà G đề nghị Tòa án giao 02 con chung là trẻ Tấn H và trẻ Tấn T cho ông P trực tiếp nuôi đưỡng. Tòa án xét thấy: Hiện các trẻ đang sinh sống ổn định với ông P, có ông bà nội cùng chăm sóc và nguyện vọng của các trẻ là muốn ở với ông P. Do đó, việc giao 02 trẻ cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, nên nghi nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà G, cấp dưỡng nươi con, mỗi trẻ 500.000đ/tháng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời trình bày của bà G thì quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. bà G phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227; các điều 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107,110, 117, 119 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điều 2, 6, 7, 9, 26, 30, 31 và 32 Luật thi hành án dân sự năm

2008;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Hồng G.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Hồng G được ly hôn ông Phạm Thanh P.

- Về con chung: Giao ông Phạm Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Gia Tấn H, sinh ngày 02/10/2008 và trẻ Phạm Gia Tấn T, sinh ngày 23/6/2010. bà G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi trẻ 500.000đ/tháng. Bắt đầu thực hiện từ thàng 10/2019 cho đến khi các trẻ lần lượt đến tuổi thành niên.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mà chậm cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả .

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà G khai không có.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Hồng G phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037735 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình.

Bà Bùi Thị Hồng G còn phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND Quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ .

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tiến Quang